Phụ lục IX

DANH MỤC CÁC LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Báo cáo số 1703/BC-BKHCN ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tổng kết thi hành Luật Khoa học và Công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
1.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Luật này quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; việc tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.	
2.	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.	
3.	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. 2. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	phẩm. 3. *Hoạt động khoa học và công nghệ* là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ. 4. *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. 5. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. 6. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội. 7. *Phát triển công nghệ* là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới. 8. *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu. 9. *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống. 10. *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. 11. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. 12. *Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ* là người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ. 13. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	công nghệ. 14. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là việc bên đặt hàng đưa ra yêu cầu về sản phẩm khoa học và công nghệ, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ thông qua hợp đồng. 15. *Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ* là cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ. 16. *Đổi mới sáng tạo (innovation)* là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.	
4.	**Điều 4. Nhiệm vụ của hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối,	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hoá, khoa học của thế giới. 2. Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ để làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phương pháp quản lý tiên tiến; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người; kịp thời dự báo, phòng, chống, hạn chế và khắc phục hậu quả thiên tai. 3. Tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới để tạo ra, ứng dụng có hiệu quả công nghệ mới; tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao; phát triển nền khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tiếp cận với trình độ thế giới, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các ngành công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh việc phổ biến và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.	
5.	**Điều 5. Nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	triển khoa học và công nghệ. 2. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. 3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ vì sự phát triển của đất nước. 4. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. 5. Bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường	
6.	**Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ** Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu: 1. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; 2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức; 3. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm; 4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ; 5. Tạo điều kiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ; 6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ; 7. Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ;	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới.	
7.	**Điều 7. Ngày Khoa học và công nghệ Việt Nam** Ngày 18 tháng 5 hằng năm là Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam	
8.	**Điều 8. Các hành vi bị cấm** 1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. 2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ. 3. Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ. 4. Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	
9.		
10.	**Điều 9. Hình thức và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	1. Hình thức của tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau: a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định; b) Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật giáo dục đại học; c) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. 2. Tổ chức khoa học và công nghệ được phân loại như sau: a) Theo thẩm quyền thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ gồm các loại quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này; b) Theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức nghiên cứu cơ bản, tổ chức nghiên cứu ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; c) Theo hình thức sở hữu, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ	**1- Luật Giáo dục 2019:** **Điều 19. Hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục. 2. Cơ sở giáo dục tự triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. 3. Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục hoạt động khoa học và công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở giáo dục thành trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ của địa phương hoặc của cả nước. 4. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục. Các chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng quốc tế. **2- Luật Giáo dục đại học 2012:**

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.	**- Điều 7. Cơ sở giáo dục đại học** 1. Cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm: a) Trường cao đẳng; b) Trường đại học, học viện; c) Đại học vùng, đại học quốc gia (sau đây gọi chung là đại học); d) Viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ…. **3- Luật Lâm nghiệp năm 2017:** - Khoản 4 Điều 8: **Chủ rừng:** … 4. Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp.” **4- Luật Báo chí năm 2016:** - Khoản 2 Điều 14: **Đối tượng được thành lập cơ quan báo chí** 2. Cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học; tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ; bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được thành lập tạp chí khoa học.
11.	**Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập** 1. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và	Sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018: Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và công nghệ 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan nhà nước khác xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập. 2. Việc xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây: a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; b) Gắn kết tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng những lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học	"Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập 1. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia. 2. Việc lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây: a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ; b) Gắn kết tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng những lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.".

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.	
12.	Điều 11. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 1. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ điều kiện sau đây: a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật; b) Nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động. 2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ. Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thì Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng liên ngành để thẩm định. 3. Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:	Được sửa đổi bởi Khoản 2 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018: “2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.”.

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	a) Mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; b) Được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thành lập; c) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cho phép đặt trụ sở làm việc tại địa phương. 4. Tổ chức khoa học và công nghệ phải đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. 5. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện thành lập, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	
13.	**Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ** 1. Thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau: a) Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Quốc hội, Ủy ban	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	thường vụ Quốc hội; b) Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Chính phủ; c) Toà án nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Tòa án nhân dân tối cao; d) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; đ) Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này; g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương theo thẩm quyền; h) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và điều lệ;	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	i) Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của mình. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có quyền quyết định việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ; quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập phù hợp với quy định của pháp luật. 3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ.	
14.	**Điều 13. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ** 1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được Nhà nước giao biên chế. 2. Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ. 3. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh trong nước	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	và ở nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. 5. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. 6. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật. 7. Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền. 8. Tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. 9. Được chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
15.	**Điều 14. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ** 1. Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. 2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao. 3. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 4. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản thường xuyên theo chức năng của mình; sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật. 5. Đăng ký, lưu giữ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. 6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về khoa học và công nghệ. 7. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật nhà nước	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	về khoa học và công nghệ.	
16.	**Điều 15. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài** 1. Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam để hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Là tổ chức khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký hoạt động; b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này; c) Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Việt Nam có nhu cầu; d) Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	3. Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có thời hạn không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài trong trường hợp pháp luật quốc gia đó có quy định thời hạn giấy đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài. 4. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ ghi trong giấy phép thành lập và có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 5. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.	
17.	**Điều 16. Mục đích, nguyên tắc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ** 1. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ là việc sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để xác định năng lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	và công nghệ. 2. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ nhằm mục đích sau đây: a) Tạo cơ sở để xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ; b) Phục vụ hoạt động hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; c) Làm cơ sở xem xét việc tuyển chọn, xét giao trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thực hiện chính sách ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước, cho vay, tài trợ, bảo lãnh vốn vay của quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. 3. Việc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc sau đây: a) Có phương pháp, tiêu chí đánh giá phù hợp; b) Độc lập, bình đẳng, trung thực, khách quan, đúng pháp luật; c) Kết quả đánh giá, xếp hạng phải được công bố công khai, minh bạch.	
18.	**Điều 17. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước** 1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	được đánh giá để phục vụ quản lý nhà nước. 2. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thực hiện hoặc thông qua tổ chức đánh giá độc lập. 3. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện dựa trên tiêu chí và phương pháp đánh giá do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định đối với từng loại hình tổ chức khoa học và công nghệ.	
19.	**Điều 18. Tổ chức đánh giá độc lập** 1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân được thực hiện đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Việc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ phải tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật này. 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá, xếp hạng phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, xếp hạng của mình.	
20.	**Điều 19. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ** 1. Chức danh nghiên cứu khoa học là tên gọi thể hiện	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, gồm trợ lý nghiên cứu, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học được xét bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư. Thủ tục xét bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học. 2. Chức danh công nghệ là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân hoạt động trong từng lĩnh vực công nghệ. Chính phủ quy định cụ thể chức danh công nghệ, thủ tục, quy trình xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ. 3. Người có học vị tiến sĩ hoặc có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc hoặc được giải thưởng cao về khoa học và công nghệ được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác. 4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
21.	**Điều 20. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học và công nghệ. 2. Tự mình hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để hoạt động khoa học và công nghệ, ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ. 3. Được tạo điều kiện để tham gia, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên. 4. Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. 5. Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 6. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. 7. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật. 8. Góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí	**Luật Viên chức 2010:** **Điều 14. Quyền của viên chức về hoạt động kinh doanh và làm việc ngoài thời gian quy định: "**…. 3. Được góp vốn nhưng không tham gia quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác."

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh; nhận tài trợ để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật. 9. Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên và tham gia giám sát việc thực hiện. 10. Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. 11. Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh quy định tại Điều 19 của Luật này. 12. Được khen thưởng, hưởng quyền ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.	**Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2014:** Khoản 2 Điều 39. Các trường hợp được xét cho thường trú: "…2. Người nước ngoài là nhà khoa học, chuyên gia đang tạm trú tại Việt Nam."
22.	**Điều 21. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. 2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	kết. 3. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao. 4. Đăng ký, lưu giữ và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. 5. Giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.	
23.	**Điều 22. Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ** 1. Căn cứ vào quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý chuyên ngành tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học; phát hiện, đào tạo bồi dưỡng nhân tài để bổ sung nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, bảo đảm cơ cấu ngành, lĩnh vực và vùng miền; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.	Được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018: "1. Căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan khác của Nhà nước.". **Luật Thủ đô 2012:** **Điều 13. Phát triển khoa học và công nghệ** 2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành chính sách trọng dụng nhân tài; chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước. 4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tự đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ; ưu tiên thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. 5. Kinh phí thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực quy định tại khoản 2 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều này được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ. Kinh phí tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học và công nghệ quy định tại khoản 4 Điều này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. 6. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	trên cơ sở cân đối nguồn lực của địa phương để thực hiện.
24.	**Điều 23. Ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ** 1. Người được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu	**Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023** - Khoản 1 Điều 35. Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật gây ra: “ Khi chứng minh

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	khoa học, chức danh công nghệ được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được xếp vào vị trí việc làm và hưởng mức lương, phụ cấp phù hợp với chuyên môn và năng lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập; b) Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Điều 64 của Luật này; c) Được trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc thuận lợi cao hơn mức quy định cho cán bộ, công chức nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao; d) Được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học. 2. Nhà khoa học đầu ngành ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được ưu tiên giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng; b) Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này; c) Được trực tiếp đề xuất, tham gia xây dựng, đánh	được khuyết tật của sản phẩm, hàng hóa không thể phát hiện được với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tính đến thời điểm sản phẩm, hàng hóa gây thiệt hại;", … - Khoản 4 Điều 36: Tổ chức, cá nhân kinh doanh được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi chứng minh được việc cung cấp dịch vụ không đúng nội dung đã đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết không thể phát hiện được với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tại thời điểm tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng hoặc thuộc trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại khác theo quy định của pháp luật. **Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019:** Khoản 5 Điều 1: 2. Việc tuyển dụng công chức thông qua xét tuyển được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đối với từng nhóm đối tượng sau đây: ……. c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng. **Bộ Luật Hình sự năm 2015**: - Điều 25: **Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ** Hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	giá và phản biện chính sách của ngành, lĩnh vực, quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ; d) Được ưu tiên giao nhiệm vụ phản biện độc lập đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh; đ) Được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo quy định của Chính phủ; e) Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn. 3. Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây: a) Hưởng mức lương và phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận với cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ; được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao; b) Đề xuất việc điều động nhân lực khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ và nguồn lực vật chất, tài chính bảo đảm thực hiện nhiệm vụ; c) Thuê, thỏa thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; tự quyết định việc mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ	mới mặc dù đã tuân thủ đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa thì không phải là tội phạm. Người nào không áp dụng đúng quy trình, quy phạm, không áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa mà gây thiệt hại thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. **Luật Nhà ở năm 2014:** - Điểm g khoản 1 Điều 32. **Đối tượng và điều kiện được thuê nhà ở công vụ:** 1. Đối tượng được thuê nhà ở công vụ bao gồm:… g) Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.”

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	phục vụ cho nhiệm vụ trong phạm vi dự toán kinh phí được giao; d) Tự quyết định và được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn; đ) Toàn quyền quyết định việc tổ chức nhiệm vụ được giao. 4. Nhà khoa học trẻ tài năng ngoài việc được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây: a) Ưu tiên xét cấp học bổng để nâng cao trình độ ở trong nước, ngoài nước; b) Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này; c) Được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng và được ưu tiên chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác; d) Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn. 5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	
25.	**Điều 24. Thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	chuyên gia nước ngoài 1. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. 2. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Luật này và được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được bổ nhiệm, thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ theo quy định tại Điều 19 của Luật này; b) Được hưởng lương chuyên gia theo quy định của Chính phủ và ưu đãi khác theo hợp đồng; c) Được hưởng các ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. 3. Chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam và được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nhiệm vụ khoa học và công nghệ; b) Được hưởng ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; c) Được hưởng lương chuyên gia theo quy định của Chính phủ và ưu đãi khác theo hợp đồng. 4. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia là người nước ngoài có cống hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam vinh danh, khen thưởng, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của Việt Nam. 5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	
26.	**Điều 25. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ và các hình thức khác. 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 27 của Luật này xác định. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp	**Luật Dân quân tự vệ 2019:** - Điều 37. Nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng …2. Xây dựng và thực hiện chiến lược, đề án, dự án, kế hoạch, nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ. - Điều 38. Nhiệm vụ chi của địa phương 1. Xây dựng và thực hiện đề án, dự án, kế hoạch nghiên cứu khoa học quân sự về Dân quân tự vệ của địa phương. **Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017**: **Điều 105: Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước** **Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ**

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	bộ, cấp tỉnh phải thực hiện theo hình thức đặt hàng. 3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Chính phủ quy định tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phù hợp với từng giai đoạn phát triển và lĩnh vực khoa học và công nghệ; biện pháp khuyến khích đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	**trợ năm 2017**: - Điểm a khoản 1 Điều 37**. Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp** 1. Việc nghiên cứu vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định sau đây: a) Việc nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thực hiện trên cơ sở đề án nghiên cứu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Khoản 1 Điều 46: **Điều 46. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ** 1. Việc nghiên cứu, chế tạo tiền chất thuốc nổ do tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp sản xuất tiền chất thuốc nổ thực hiện.
27.	**Điều 26. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được quy định như sau: a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ về bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở trung ương phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để tổng hợp. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở trung ương tổ chức lấy ý kiến tư vấn xác định và công bố công khai nhiệm vụ đặt hàng cấp mình và	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về Bộ Khoa học và Công nghệ; b) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và công bố công khai; c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ động hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia; tổ chức lấy ý kiến tư vấn về các nhiệm vụ này; d) Việc lấy ý kiến tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ và quyền hạn. Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có quyền lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	vấn độc lập trước hoặc sau khi họp Hội đồng. Thành viên Hội đồng và chuyên gia tư vấn độc lập phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. 2. Việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Việc đề xuất, tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kỹ thuật phải bao gồm nội dung triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và dự toán kinh phí cho các hoạt động này hoặc đề xuất dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm. 4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể Điều này.	
28.	**Điều 27. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định như sau: a) Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hằng năm;	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh; c) Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này tự phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình. 2. Thẩm quyền ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định như sau: a) Bộ Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh; c) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt và ký hợp đồng	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tổng hợp, đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.	
29.	**Điều 28. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ từ quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể được thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phương thức khác do tổ chức, cá nhân lựa chọn.	
30.	**Điều 29. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước** 1. Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là việc xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, hiệu quả. 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện phải được giao theo phương thức tuyển chọn nhằm đạt hiệu quả cao nhất.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn. 4. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác. 5. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng này. Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập, quy định nhiệm vụ và quyền hạn. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn và phải chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình. Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với nhiệm vụ. Thành viên Hội đồng phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	và công nghệ và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình. 6. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến tư vấn của Hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định. 7. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	
31.	**Điều 30. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được giao trực tiếp** 1. Nhà nước giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với một trong các trường hợp sau đây: a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng; b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất; c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó. 2. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều này sau khi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và phải chịu trách nhiệm về việc giao nhiệm vụ của mình. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ phải có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định. 3. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	
32.	**Điều 31. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay** Tổ chức, cá nhân có quyền đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ để quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao và các quỹ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ.	
33.	**Điều 32. Liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá. 2. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau: a) Hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư cho dự án của doanh nghiệp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; b) Hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước. 3. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện, hình thức, trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều này.	
34.	**Điều 33. Phân loại hợp đồng khoa học và công**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua hợp đồng khoa học và công nghệ bằng văn bản. 2. Các loại hợp đồng khoa học và công nghệ gồm: a) Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; b) Hợp đồng chuyển giao công nghệ; c) Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ. 3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mẫu hợp đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.	
35.	**Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quyền sau đây: a) Sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng; b) Tổ chức việc giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 2. Bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	và phát triển công nghệ có nghĩa vụ sau đây: a) Cung cấp thông tin cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng; b) Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ đặt hàng; c) Tiếp nhận và tổ chức triển khai ứng dụng hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu sau khi được nghiệm thu; d) Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên nhận đặt hàng theo thoả thuận trong hợp đồng.	
36.	**Điều 35. Quyền, nghĩa vụ của bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quyền sau đây: a) Hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận trong hợp đồng; b) Yêu cầu bên đặt hàng cung cấp thông tin và những điều kiện khác theo thỏa thuận trong hợp đồng để thực hiện hợp đồng; c) Nhận kinh phí của bên đặt hàng để thực hiện hợp đồng. 2. Bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	khoa học và phát triển công nghệ có nghĩa vụ sau đây: a) Bàn giao kết quả nghiên cứu, giao nộp sản phẩm theo đúng quy định trong hợp đồng; b) Giữ bí mật về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thoả thuận; c) Không được chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho người khác nếu không có sự chấp thuận của bên đặt hàng.	
37.	**Điều 36. Giải quyết tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ** 1. Bên vi phạm hợp đồng khoa học và công nghệ phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ được giải quyết trước hết theo nguyên tắc hoà giải, thương lượng trực tiếp giữa các bên. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài hoặc toà án.	
38.	**Điều 37. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, khi kết thúc phải được đánh giá	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghiệm thu khách quan, chính xác thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành. Người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thẩm quyền quyết định nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định nghiệm thu. 2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu. 3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khoẻ con người phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định. 4. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí, thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	
39.	**Điều 38. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành hoặc thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 2. Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành bao gồm nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, cơ quan, tổ chức đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. 3. Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ. 4. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập tiến hành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết và chịu	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	trách nhiệm trước người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 5. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.	
40.	**Điều 39. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương chủ quản. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật. 2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương.	
41.	**Điều 40. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ. 2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét tạo điều kiện ứng dụng. 3. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho Nhà nước thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ và xem xét tổ chức ứng dụng.	
42.	**Điều 41. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất -	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thì đại diện chủ sở hữu nhà nước được quy định như sau: a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình phê duyệt; c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức không thuộc quy định tại điểm a và điểm b của khoản này là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình quyết định phê duyệt. 3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này có quyền xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 4. Việc thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau: a) Trường hợp được giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quyền này theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ; b) Trường hợp được giao quyền sử dụng thì tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quyền này theo quy định của pháp luật. 5. Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể sử dụng được kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao quyền sử dụng đó cho tổ chức khác có khả năng sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 6. Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp, trình tự, thủ tục giao toàn bộ, giao một phần quyền sở hữu	**- Hiến pháp 2013 Điều 53**: "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý". **- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009, được sửa đổi, bổ sung năm 2019 và năm 2022:** **+ Điều 133a. Quyền của Nhà nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ**

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại Điều này.	**khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**[1] 1. Đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo công khai trong thời hạn chín mươi ngày để giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu trong các trường hợp sau đây: a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 136a của Luật này; b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có văn bản báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước về việc không có nhu cầu đăng ký; c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không nộp đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 136a của Luật này. 2. Trường hợp không giao được quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này, đại diện chủ sở hữu nhà nước công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của

[1] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 52 Điều 1 của Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mà không cần sự đồng ý của người nắm độc quyền sử dụng trong các trường hợp sau đây: a) Người nắm độc quyền sử dụng không thực hiện trong một thời gian hợp lý các biện pháp hiệu quả để sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Nhà nước hỗ trợ trên 30% tổng số vốn; b) Việc sử dụng nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội. 4. Việc trả khoản tiền đền bù cho người nắm độc quyền sử dụng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí theo quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau: a) Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		không phải trả tiền đền bù; b) Đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng không phải trả tiền đền bù cho phần quyền sử dụng tương ứng với phần ngân sách nhà nước đầu tư nhưng phải trả tiền đền bù đối với phần quyền sử dụng tương ứng với phần vốn đầu tư còn lại. Khoản tiền đền bù trả cho người nắm độc quyền sử dụng được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 146 của Luật này. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. **- Điều 136a. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**[2] 1. Thông báo cho đại diện chủ sở hữu nhà nước trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được tạo ra. 2. Nộp đơn đăng ký xác lập quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước tại Việt

[2] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 54 Điều 1 của Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		Nam trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày gửi thông báo cho đại diện chủ sở hữu nhà nước. 3. Trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí theo quy định tại Điều 135 của Luật này. 4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng số vốn, phần lợi nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền, góp vốn bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà nước sau khi đã trả thù lao cho tác giả được sử dụng theo quy chế quản lý tài chính của tổ chức chủ trì. 5. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Nhà nước hỗ trợ trên 30% tổng số vốn, việc phân chia lợi nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền, góp vốn bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước sau khi đã trả thù lao cho tác giả được thực hiện theo quy định sau đây: a) Thanh toán cho người môi giới (nếu có) theo hợp đồng môi giới nhưng không quá 10%; b) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước thì tối thiểu 50% phần lợi nhuận còn lại được dùng để đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; số lợi nhuận còn lại được sử dụng theo quy chế quản lý

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		tài chính của tổ chức chủ trì; c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn thì phần lợi nhuận còn lại được chia cho các bên tương ứng với tỷ lệ vốn đã đóng góp vào nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó. Phần lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà nước được tổ chức chủ trì sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này. 6. Tổ chức chủ trì được cấp văn bằng bảo hộ cho sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được đăng ký theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 86a của Luật này có nghĩa vụ thực hiện các quyền sở hữu công nghiệp theo quy định, thực hiện các biện pháp bảo vệ, nộp báo cáo hằng năm cho cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ về việc thực hiện quyền, biện pháp bảo vệ và việc phân chia lợi nhuận. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.
43.	**Điều 42. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đó. Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng quyền theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
44.	**Điều 43. Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước** Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được chia cho tác giả **tối thiểu 30%;** phần còn lại được phân chia giữa chủ sở hữu, cơ quan chủ trì, người môi giới theo quy định của Chính phủ.	**Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2022**: Khoản 53 Điều 1 "… b) **Tối thiểu 15% và tối đa 20%** tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí trước khi nộp thuế theo quy định. …"
45.	**Điều 44. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật này. Trường hợp bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.	
46.	**Điều 45. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế để đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định tại Luật này và văn bản pháp luật khác có liên quan. 2. Chủ sở hữu, tác giả và người ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng lợi ích do việc ứng dụng kết quả này vào sản xuất và đời sống theo hợp đồng khoa học và công	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ và theo quy định của Luật này. 3. Việc ứng dụng thành công thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống là một trong những tiêu chí chủ yếu để đánh giá năng lực của tác giả, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; là căn cứ để Nhà nước ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ. 4. Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 5. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để thành viên ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	
47.	**Điều 46. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	hội 1. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu và phát triển phục vụ xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện. 2. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải được thẩm định về cơ sở khoa học, trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt. 3. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.	
48.	**Điều 47. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo** 1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo. 2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghiệp tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ các hoạt động này. 3. Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. 4. Nhà nước tài trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức, tài trợ cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo và tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo.	
49.	**Điều 48. Truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ** 1. Nhà nước đầu tư, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển công tác truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm, 05 năm về công tác truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	3. Kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ cho hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hợp lý.	
50.	**Điều 49. Ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ** 1. Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học và công nghệ. 2. Ngân sách cho khoa học và công nghệ phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, ngành, địa phương. 3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của năm sau được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ.	**Luật Ngân sách nhà nước năm 2015:** - Điểm d khoản 3 Điều 36. Nhiệm vụ chi ngân sách Trung ương: "… Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trong các lĩnh vực:… d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;" - Điểm b khoản 2 Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương: *"2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực:…* *b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;"* - Điểm e khoản 3 Điều 64. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm: *"3. Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau:…* *e) Kinh phí nghiên cứu khoa học."*
51.	**Điều 50. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ** 1. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ lợi ích chung của xã hội; chú trọng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ. 2. Duy trì và phát triển năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tổ chức khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động nghiên cứu cơ bản thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. 3. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. 4. Cấp kinh phí cho quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 59 của Luật này. 5. Hỗ trợ việc thực hiện nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm. 6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tại địa phương. 7. Mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực ưu tiên. 8. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, thông tin, thống kê khoa học và công nghệ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, công bố kết quả	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải thưởng khoa học và công nghệ. 9. Hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ khác.	
52.	**Điều 51. Xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ** 1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm theo quy định của pháp luật. 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ. 3. Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm và đề nghị cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính tổng hợp, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ, bảo đảm chi đúng, chi đủ kinh phí đã được phân bổ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ. 4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí khoa học và công nghệ đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch khoa học và công nghệ; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ đúng mục đích, hiệu quả.	
53.	**Điều 52. Áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Việc áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được quy định như sau: a) Khoán chi được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu về sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí;	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã xác định được rõ tiêu chí đối với sản phẩm cuối cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì được áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể khoán chi đến sản phẩm cuối cùng và những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính rủi ro cao thì thực hiện việc khoán chi đối với từng phần công việc đã xác định rõ tiêu chí. 2. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân. 3. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chí, quy trình, thủ tục thực hiện khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và việc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	
54.	**Điều 53. Cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước** 1. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ. 2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công	**Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013**: - Điều 21: "Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ 1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác và bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. 2. Thực hiện cơ chế khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở định mức nghiên cứu khoa học,

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ được cấp thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Kho bạc Nhà nước. 3. Việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo ủy nhiệm chi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quyết toán khi kết thúc hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính. 4. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	công nghệ và kết quả đầu ra. Chỉ quyết toán kinh phí đã cấp khi kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ đã được nghiệm thu. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ không được nghiệm thu thì phải hoàn trả một phần hoặc toàn bộ kinh phí đã cấp cho những nội dung, hạng mục không hoàn thành theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và quy định khác của pháp luật có liên quan.”
55.	**Điều 54. Cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt** 1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh, có tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia được áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt. 2. Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc loại dự án, công trình quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. 3. Thủ tướng Chính phủ quyết định thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Chính phủ quy định tiêu chí xác định nhiệm vụ, cơ	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	chế đầu tư đặc biệt và phương thức thực hiện đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này.	
56.	**Điều 55. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ** 1. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho khoa học và công nghệ. 2. Tổ chức, cá nhân được thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 62 và Điều 63 của Luật này. 3. Tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật; b) Được tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật.	
57.	**Điều 56. Đầu tư của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ** 1. Doanh nghiệp phải dành kinh phí đầu tư nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	2. Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tính là khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp đầu tư hoặc liên kết đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ, cho vay và được hưởng ưu đãi khác theo quy định của Luật này.	
58.	**Điều 57. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** 1. Doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn. 2. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng ưu đãi ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật về công nghệ cao. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	trong nước được hỗ trợ lãi suất vay vốn tại ngân hàng.	
59.	**Điều 58. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ** 1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. 2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp; b) Có năng lực thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; c) Doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt tỷ lệ theo quy định. 3. Ngoài ưu đãi quy định tại Điều 57 của Luật này, doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn được hưởng ưu đãi sau đây: a) Được xem xét, giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công	**Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008** - Khoản 3, khoản 7 Điều 4. Thu nhập được miễn thuế (khoản 3: Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; khoản 7: Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam) - Khoản 1, Điều 13. Ưu đãi về thuế suất (Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm). - Khoản 1, Điều 14. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế (Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm;

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ thuộc sở hữu nhà nước; b) Được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật; c) Được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; d) Được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ khác để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh; đ) Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước. 4. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường được miễn thuế tối đa không quá <u>bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo</u>). **Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016** - Khoản 13, 21 Điều 16. Miễn thuế + Khoản 13: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất + Khoản 21: Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ. **Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017**: - Điều 12: **Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung** 1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. 2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. 3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây: a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. - Khoản 2 Điều 17. **Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: "**2. Nội dung hỗ trợ bao gồm: a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; - Điều 19: **Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị** 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành; b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị. 2. Nội dung hỗ trợ bao gồm: a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
		tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.
60.	**Điều 59. Các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ. 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật này. Quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được thành lập theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ, Luật công nghệ cao. 3. Cơ chế, hình thức hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của quỹ được thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ.	
61.	**Điều 60. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia** 1. Chính phủ thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh	**Luật Hợp tác xã 2023:** - Điểm c khoản 1 Điều 23: **Điều 23. Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm** 1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thụ

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; tài trợ, cấp kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng; ***cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi*** để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia. 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn vốn được cấp ban đầu, vốn cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ, kết quả hoạt động của quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác. 3. Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.	hưởng chính sách tiếp cận vốn như sau: c) Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững; **Luật các tổ chức tín dụng 2010:** Khoản 2 Điều 8 "***Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán***." **Luật Ngân sách nhà nước 2015:** Khoản 11 Điều 8 "Ngân sách nhà nước ***không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách***. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước."
62.	**Điều 61. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** 1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để phục vụ yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ của mình. 2. Quỹ được sử dụng vào mục đích theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật này. 3. Quỹ được hình thành từ nguồn vốn được cấp một lần ban đầu từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; vốn bổ sung hằng năm từ phân bổ ngân sách cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và kết quả hoạt động của quỹ; đóng góp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác. 4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
63.	**Điều 62. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân** 1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận để tài trợ không hoàn lại, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, bảo lãnh vốn vay phục vụ yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân. 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân thành lập không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác. 3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ do tổ chức, cá nhân thành lập quy định và phải được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về tài chính có thẩm quyền, đồng thời thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của quỹ.	
64.	**Điều 63. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp** 1. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ.	**Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008** - Điều 17. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2013:** + Khoản 9: Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 như sau: “3. Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước. 3. Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp.	có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ." + Khoản 11: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 17: "1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này còn phải bảo đảm tỷ lệ trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ."
65.	**Điều 64. Chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ** Các trường hợp sau đây được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế: 1. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; 2. Thu nhập từ sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm; 3. Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và một số hoạt động	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	trong lĩnh vực công nghệ cao; 4. Dịch vụ khoa học và công nghệ; 5. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; 6. Kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân cho hoạt động nghiên cứu khoa học; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học; 7. Chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 8. Các trường hợp khác được quy định tại các luật về thuế.	
66.	**Điều 65. Chính sách tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ** 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ vay vốn trung và dài hạn để hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng lãi suất ưu đãi khi vay vốn tại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, các quỹ khác của Nhà nước.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	2. Tổ chức, cá nhân vay vốn để đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ được ưu đãi về tín dụng theo điều lệ của quỹ nơi vay vốn. 3. Tổ chức, cá nhân vay vốn tại ngân hàng thương mại để đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt hoạt động triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm được Ngân hàng phát triển Việt Nam xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư, dành tỷ lệ nhất định dư nợ tín dụng cho hoạt động khoa học và công nghệ. 4. Những chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của Nhà nước và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, đặc biệt dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm có yêu cầu sử dụng vốn lớn, được ưu tiên xét cho sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức theo phương thức sau đây: a) Tài trợ không hoàn lại hoặc cho vay ưu đãi đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; b) Cho vay đối với dự án đầu tư xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ hoặc cho vay có thu hồi đối với dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	
67.	**Điều 66. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	triển khoa học và công nghệ 1. Nhà nước có chính sách đầu tư đồng bộ, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật của cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ quốc gia; khuyến khích, hỗ trợ xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, khu công nghệ cao, công viên công nghệ; nâng cấp và xây dựng mới trung tâm nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, ứng dụng, triển khai, thương mại hoá công nghệ mới. 2. Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan có liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ quan trọng; phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương huy động nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	khoa học và công nghệ ở địa phương. 5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ ở bộ, ngành, địa phương và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	
68.	**Điều 67. Xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ cao** 1. Nhà nước đầu tư, huy động nguồn lực xã hội để xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ cao. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển khu công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. 3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Bị bãi bỏ bởi Khoản 5 Điều 8 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018
69.	**Điều 68. Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về khoa học và công nghệ** Nhà nước đầu tư xây dựng, khuyến khích tổ chức, cá	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nhân tài trợ cho việc xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về khoa học và công nghệ hiện đại nhằm bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về hoạt động khoa học và công nghệ trong nước và thế giới. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	
70.	**Điều 69. Xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ** Nhà nước có chính sách và biện pháp sau đây để xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ: 1. Khuyến khích mọi hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi; 2. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; 3. Áp dụng chính sách ưu đãi đối với sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm bằng công nghệ mới; sản phẩm được làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ; thiết bị công nghệ cao nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ; 4. Áp dụng chế độ thưởng cho tập thể lao động và cá nhân có hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, ứng dụng	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	công nghệ mới được chuyển giao; 5. Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; trung tâm, sàn giao dịch công nghệ; chợ công nghệ - thiết bị.	
71.	**Điều 70. Nguyên tắc hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ** 1. Tích cực, chủ động và bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi. 2. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. 3. Phát triển khoa học và công nghệ theo chuẩn mực quốc tế và gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. 4. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước tiên tiến, tranh thủ tối đa cơ hội để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.	
72.	**Điều 71. Hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ** 1. Liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	nghệ với nước ngoài, bao gồm: a) Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ của nước ngoài; b) Tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế ở trong nước và nước ngoài; c) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài ở Việt Nam và thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài. 2. Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án chung về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực, liên khu vực và quốc tế. 3. Thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào chương trình, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chương trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, hoạt động khoa học và công nghệ khác ở Việt Nam. 4. Tổ chức triển lãm, diễn đàn khoa học và công nghệ, chợ công nghệ, trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tiên tiến, công nghệ cao của các nước và Việt Nam. 5. Tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào Việt Nam. 6. Phát triển mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.	
73.	**Điều 72. Biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ** 1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. 2. Đẩy mạnh việc tham gia, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về hợp tác khoa học và công nghệ. 3. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ. 4. Xây dựng một số tổ chức, nhóm nghiên cứu khoa học và công nghệ đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc tế. 5. Tăng cường kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc tế. Kết nối mạng thông tin tiên tiến, hiện đại của khu vực và quốc tế về nghiên cứu và đào tạo.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. 7. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam. 8. Sử dụng có hiệu quả vốn vay và viện trợ của nước ngoài đầu tư cho khoa học và công nghệ.	
74.	**Điều 73. Trách nhiệm của Chính phủ** 1. Thống nhất quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong phạm vi cả nước và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. 2. Chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập. 3. Phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. 4. Chỉ đạo hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	5. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoa học và công nghệ; kiểm tra việc thực hiện pháp luật về khoa học và công nghệ. 6. Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ. Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển khoa học và công nghệ; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.	
75.	**Điều 74. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ** Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm sau đây: 1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập; 2. Xây dựng và phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và hằng	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	năm; 3. Thống nhất quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 4. Quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; xây dựng đề xuất cơ cấu, tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ làm căn cứ cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; 5. Thẩm định việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo phân cấp của Chính phủ; cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo thẩm quyền; 6. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; hệ thống thống kê khoa học và công nghệ và tiêu chí thống kê thống nhất trong cả nước; đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng sáng chế; phát triển thị trường khoa học và công nghệ;	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	7. Tổ chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ; 8. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về khoa học và công nghệ; 9. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; 10. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền; căn cứ kết quả kiểm tra và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của các cơ quan và tổ chức để đề xuất điều chỉnh việc phân bổ kinh phí cho giai đoạn tiếp theo; 11. Thực hiện nhiệm vụ khác được Chính phủ ủy quyền hoặc phân công.	
76.	**Điều 75. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ** 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sau đây: a) Lập và trình Chính phủ dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ; b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xét duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho khoa học và công nghệ; đôn đốc, kiểm	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. 2. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây: a) Lập và trình Chính phủ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ cấu, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ; b) Cân đối và bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời theo dự toán kinh phí đã được phê duyệt; c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đúng mục đích và có hiệu quả. 3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây: a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học và công nghệ; b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan có liên quan giao biên chế cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập. 4. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học và	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	công nghệ trong ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực khoa học và công nghệ thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; có tổ chức chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ; b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, biện pháp thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ; c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ thông tin và số liệu thống kê khoa học và công nghệ về Bộ Khoa học và Công nghệ; d) Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đúng mục đích và có hiệu quả, phù hợp với đặc thù và tiến độ kế hoạch khoa học và công nghệ.	
77.	**Điều 76. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm sau đây: 1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; 2. Bảo đảm sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ và nguồn lực khác của xã hội chủ yếu cho ứng dụng khoa học và công nghệ ở địa phương; 3. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ; 4. Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đúng mục đích và có hiệu quả; bảo đảm cấp kinh phí đầy đủ, kịp thời, phù hợp với đặc thù và tiến độ kế hoạch khoa học và công nghệ để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của địa phương và của cả nước; 5. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	tin, thống kê về khoa học và công nghệ; báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê khoa học và công nghệ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền; 6. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về khoa học và công nghệ; 7. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền.	
78.	**Điều 77. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học và công nghệ** 1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ cho tập thể, cá nhân có công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ xuất sắc trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương. 3. Tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định	**Luật Thi đua, khen thưởng:** Điều 36, 37, 38

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
	cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được đặt và tặng giải thưởng khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. 4. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.	
79.	**Điều 78. Nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế** Tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phong, tặng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.	
80.	**Điều 79. Xử lý vi phạm** 1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.	

STT	LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ 2013	QUY ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VĂN BẢN LUẬT KHÁC
81.	**Điều 80. Hiệu lực thi hành** Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Luật khoa học và công nghệ số 21/2000/QH10 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.	
82.	**Điều 81. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành** Chính phủ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.	